

11/7

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2007

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, thị trấn.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, thị trấn như sau:

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân xã) để xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình bằng nguồn vốn Ngân sách xã, thị trấn (sau đây gọi chung là ngân sách xã).

Thông tư này không áp dụng cho các dự án, công trình thuộc phạm vi quản lý của xã, thị trấn đã được hướng dẫn thực hiện tại các văn bản khác của cấp thẩm quyền.

Đối với các dự án được đầu tư bằng các nguồn vốn khác khuyến khích vận dụng theo Thông tư này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng, trình độ quản lý về đầu tư xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân xã để thực hiện việc uỷ quyền quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

3. Trước khi được phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi chung là dự án đầu tư), Người quyết định đầu tư phải xác định rõ nguồn vốn đảm bảo thực hiện dự án đầu tư. Các dự án đầu tư phải được đảm bảo bố trí đủ vốn để thực hiện dự án không quá 2 năm.

Trường hợp đặc biệt, cấp bách (do thiên tai, hoả hoạn) cần phải khởi công ngay thì dự án đầu tư phải được Thường trực Hội đồng nhân dân xã có ý kiến đồng ý và được Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân huyện) chấp thuận bằng văn bản. Dự án đầu tư thuộc trường hợp này phải có phương án dự kiến nguồn vốn đảm bảo; phải được ưu tiên bố trí vốn ngay khi có nguồn; tránh nợ đọng vốn.

4. Các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân xã quyết định phê duyệt đầu tư phải nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với các điều kiện phát triển kinh tế xã hội; tuân thủ trình tự, thủ tục về đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trường hợp dự án đầu tư chưa có trong quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, thì trước khi phê duyệt, dự án đầu tư phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện về quy hoạch.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, phải đảm bảo sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, dân chủ công khai và minh bạch; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

6. Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án được Chủ đầu tư thành lập hoặc tổ chức tư vấn quản lý dự án được Chủ đầu tư thuê để quản lý dự án (sau đây gọi chung là Chủ đầu tư) thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể của Thông tư này.

7. Cơ quan Tài chính các cấp, cơ quan quản lý về đầu tư xây dựng công trình cấp trên theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án đầu tư. Cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ cho các dự án đầu tư khi đã có đủ điều kiện thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể của Thông tư này.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. NGUỒN VỐN CỦA CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Nguồn vốn của các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân xã quản lý bao gồm:

a) Vốn ngân sách nhà nước:

- Vốn ngân sách xã chi cho các dự án đầu tư;
- Vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước cấp trên cho các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết định dự án đầu tư của Ủy ban nhân dân xã;
- Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án đầu tư cụ thể, được Hội đồng nhân dân xã thông qua và được đưa vào nguồn thu của ngân sách xã để quản lý. ✍

b) Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để đầu tư cho các dự án đầu tư do xã quản lý.

2. Việc quản lý nguồn vốn huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân, nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức cá nhân trong nước và ngoài nước (Điểm b, Khoản 1, Mục I, Phần II) để đầu tư cho các dự án đầu tư do xã quản lý được thực hiện như sau:

a) Trường hợp đóng góp bằng tiền: Ủy ban nhân dân xã thực hiện thu và nộp vào tài khoản của ngân sách xã mở tại Kho bạc nhà nước.

b) Trường hợp đóng góp bằng hiện vật:

- Đối với khoản đóng góp bằng vật tư, công lao động tự nguyện của nhân dân trong xã: căn cứ vào số lượng vật tư, công lao động do người dân đã đóng góp, Ủy ban nhân dân xã xác định giá trị thành tiền theo giá cả vật tư, giá ngày công lao động tại địa phương để ghi thu nguồn vốn đầu tư và ghi chi cho dự án đầu tư;

- Đối với khoản đóng góp bằng hiện vật của tổ chức, cá nhân ngoài nước để đầu tư cho xã, Ủy ban nhân dân xã thành lập Hội đồng xác định giá trị hiện vật thành tiền để giao cho Chủ đầu tư quản lý; đồng thời ghi thu dự án đầu tư và ghi chi cho dự án đầu tư. Hội đồng xác định giá trị hiện vật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập; thành viên gồm đại diện Chính quyền, Đoàn thể trong đơn vị cấp xã và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

II. LẬP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ, THÔNG BÁO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ, CHUYỂN NGUỒN VỐN THANH TOÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH.

1. Lập kế hoạch vốn đầu tư:

- Hàng năm, việc lập kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân xã được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn. Cụ thể: căn cứ vào chủ trương đầu tư của xã, Chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư, cùng với thời gian lập dự toán ngân sách xã gửi Ủy ban nhân dân xã. Căn cứ vào nguồn thu của ngân sách xã, Ủy ban nhân dân xã tổng hợp và xem xét trình Hội đồng nhân dân xã thông qua kế hoạch vốn đầu tư của xã (theo mẫu số 01/BC-KHĐT). Kế hoạch vốn đầu tư phải đảm bảo các nội dung sau:

+ Tổng mức vốn đầu tư trong năm, chia theo từng dự án đầu tư và từng nguồn vốn (nguồn vốn đầu tư từ ngân sách xã; nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ; nguồn vốn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước, nguồn vốn do các tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ); Ngoài ra đối với các dự án, công trình đã và đang thực hiện (nếu có), còn có khối lượng thực hiện nhưng chưa có nguồn thanh toán;

+ Các kiến nghị (nếu có).

- Kế hoạch vốn đầu tư của xã sau khi được Hội đồng nhân dân xã thông qua, được gửi đến phòng Tài chính kế hoạch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là phòng Tài chính kế hoạch huyện). Phòng Tài chính kế

hoạch huyện tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư (theo mẫu số 02/BC-KHĐT).

2. Thông báo kế hoạch vốn đầu tư và chuyển nguồn vốn thanh toán:

Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư năm được Hội đồng nhân dân xã thông qua; trên cơ sở nguồn thu của ngân sách xã; nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cấp trên; nguồn vốn huy động khác và khối lượng thực hiện của các dự án đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định, thông báo kế hoạch vốn đầu tư và chuyển nguồn vốn sang Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản) để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án đầu tư.

3. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm:

- Định kỳ, Ủy ban nhân dân xã rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án đầu tư trong năm để điều chỉnh kế hoạch theo thẩm quyền, chuyển vốn từ các dự án đầu tư không có khả năng thực hiện sang các dự án đầu tư thực hiện vượt tiến độ, còn nợ khối lượng, các dự án đầu tư có khả năng hoàn thành vượt kế hoạch trong năm. Việc điều chỉnh kế hoạch phải đảm bảo cho kế hoạch của dự án đầu tư sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc nhà nước đã thanh toán cho dự án đầu tư đó.

- Thời hạn điều chỉnh kế hoạch hàng năm kết thúc chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.

III. TẠM ỨNG, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Mở tài khoản

- Chủ đầu tư được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán và thuận tiện cho giao dịch của Chủ đầu tư.

- Kho bạc nhà nước hướng dẫn mở tài khoản cho Chủ đầu tư.

2. Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của dự án đầu tư:

- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình kèm báo cáo kinh tế - kỹ thuật; đối với dự án đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 100 triệu đồng chỉ cần Quyết định phê duyệt thiết kế - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt dự toán chi tiết (kèm dự toán chi tiết);

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Quyết định phê duyệt thiết kế - dự toán kèm dự toán chi tiết (trường hợp lập dự án đầu tư);

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt);

- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu (gồm các tài liệu đi kèm bản hợp đồng: bản tiên lượng của hồ sơ mời thầu; bản tiên lượng tính giá dự thầu kèm theo biểu giá chi tiết của nhà thầu và các điều kiện thay đổi về giá (nếu có), điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng). Mẫu hợp đồng quy định tại Thông tư số 4

02/2005/TT-BXD ngày 25/02/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

- Dự toán chi tiết được duyệt của từng công việc, hạng mục công trình đối với các gói thầu chỉ định thầu và tự thực hiện.

3. Tạm ứng vốn đầu tư xây dựng công trình:

a) Mức tạm ứng:

- Đối với gói thầu thi công xây dựng: mức vốn tạm ứng bằng 20% giá trị hợp đồng, nhưng không vượt kế hoạch vốn năm ghi cho gói thầu.

- Đối với gói thầu mua sắm thiết bị: mức vốn tạm ứng do Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, nhưng nhiều nhất không vượt giá trị hợp đồng và kế hoạch vốn trong năm ghi cho gói thầu.

- Đối với công tác chi phí khác:

+ Đối với hợp đồng tư vấn: mức vốn tạm ứng do Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận; tối thiểu là 25% giá trị của hợp đồng bố trí cho công việc phải thuê tư vấn.

+ Đối với chi phí quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình: mức tạm ứng vốn theo nhu cầu của công tác quản lý dự án đầu tư, nhưng tối đa không vượt dự toán được duyệt theo định mức quy định của Bộ Xây dựng.

+ Đối với các chi phí khác của dự án: tạm ứng theo yêu cầu công việc và theo dự toán được duyệt.

+ Đối với các công việc phục vụ công tác giải phóng mặt bằng: vốn tạm ứng được thực hiện theo tiến độ giải phóng mặt bằng.

Tổng mức vốn tạm ứng cho công tác chi phí khác không được vượt kế hoạch năm bố trí cho công tác này và không được vượt dự toán được duyệt.

b) Hồ sơ đề nghị tạm ứng: căn cứ hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu và mức tạm ứng quy định ở trên; Chủ đầu tư kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị tạm ứng gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy rút vốn đầu tư (kèm các hồ sơ quy định tại Khoản 2, Mục III, Phần II của Thông tư này) gửi Kho bạc nhà nước.

c) Thu hồi vốn tạm ứng:

- Đối với gói thầu thi công xây lắp: vốn tạm ứng được thu hồi khi dự án đầu tư có khối lượng xây lắp hoàn thành đạt 30% giá trị hợp đồng; số vốn tạm ứng được thu hồi hết khi dự án đầu tư được thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị của hợp đồng xây lắp.

- Đối với gói thầu mua sắm thiết bị: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng lần thanh toán khối lượng thiết bị hoàn thành.

- Đối với chi phí khác: vốn tạm ứng được thu hồi vào kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành của công việc này. Riêng đối với các công việc giải phóng mặt bằng, việc thu hồi vốn tạm ứng kết thúc sau khi đã thực hiện xong công việc giải phóng mặt bằng. ✍

- Mức thu hồi vốn tạm ứng của các loại hợp đồng có thể cao hơn mức quy định trên đây nếu Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất đề nghị

4. Thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình:

Ngoài hồ sơ, tài liệu cơ bản ban đầu quy định tại Khoản 2, Mục III, Phần II; tùy theo tính chất của công việc, Chủ đầu tư gửi bổ sung các hồ sơ, tài liệu tới Kho bạc Nhà nước để phục vụ cho công tác thanh toán vốn đầu tư như sau:

a) Thanh toán khối lượng xây dựng công trình hoàn thành:

- Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức chỉ định thầu: giá trị khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán của gói thầu là khối lượng thực hiện được nghiệm thu theo các điều khoản của hợp đồng ký giữa Chủ đầu tư với đơn vị nhận thầu và có đủ điều kiện sau:

+ Khối lượng nghiệm thu phải đúng thiết kế bản vẽ thi công (hoặc thiết kế - kỹ thuật thi công) được duyệt và có trong dự toán chi tiết được duyệt theo đúng quy định hiện hành về định mức, đơn giá của Nhà nước;

+ Có trong kế hoạch đầu tư năm được giao.

- Đối với gói thầu đấu thầu: khối lượng xây dựng công trình hoàn thành theo hình thức đấu thầu được thanh toán là khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu theo tiến độ, có trong hợp đồng đã ký, có trong kế hoạch đầu tư năm được giao.

- Căn cứ thời gian thực hiện hợp đồng, tính chất hợp đồng, việc thanh toán thực hiện theo các phương thức sau đây:

+ Thanh toán theo giá trọn gói (giá khoán gọn): Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo giá khoán gọn trong hợp đồng khi nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ theo đúng hợp đồng.

+ Thanh toán theo đơn giá cố định: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các công việc hoàn thành theo đơn giá đã được xác định trước trong hợp đồng.

+ Thanh toán theo giá điều chỉnh: áp dụng cho những gói thầu mà tại thời điểm ký hợp đồng không đủ điều kiện xác định chính xác về số lượng và khối lượng hoặc có biến động lớn về giá cả do Nhà nước thay đổi và hợp đồng có thời gian thực hiện trên 12 tháng.

- Trường hợp khối lượng phát sinh tăng hoặc giảm so với khối lượng trong hợp đồng nhưng trong phạm vi của hồ sơ mời thầu và không do lỗi của nhà thầu thì khối lượng phát sinh tăng giảm phải phù hợp với các điều kiện cụ thể quy định trong hợp đồng, có văn bản phê duyệt, được tính theo đơn giá của hợp đồng. Giá trị hợp đồng sau khi điều chỉnh không được vượt dự toán, tổng dự toán hoặc giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu được duyệt, trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho phép.

Những khối lượng phát sinh vượt hoặc ngoài hợp đồng, ngoài phạm vi của hồ sơ mời thầu phải có văn bản phê duyệt (nếu khối lượng phát sinh được đấu thầu) hoặc dự toán bổ sung được duyệt (nếu khối lượng phát sinh được chỉ định thầu) của cấp có thẩm quyền cả về khối lượng và đơn giá. ✎

Trên cơ sở khối lượng đã nghiệm thu, chủ đầu tư và nhà thầu xác định tiến độ thực hiện theo hợp đồng để đề nghị thanh toán.

Khi có khối lượng xây dựng công trình hoàn thành, đủ điều kiện thanh toán, Chủ đầu tư kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, kèm theo bản tính giá trị khối lượng; Biên bản thanh lý hợp đồng (trường hợp thanh toán lần cuối);
- + Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- + Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng);
- + Giấy rút vốn đầu tư;
- + Văn bản giải trình khối lượng phát sinh tăng, giảm so với hợp đồng (nếu có).

b) Thanh toán khối lượng thiết bị hoàn thành:

Khối lượng thiết bị hoàn thành được thanh toán phải đảm bảo các điều kiện: danh mục thiết bị phải đúng quyết định phê duyệt dự án đầu tư; có trong kế hoạch đầu tư được giao; có trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu cung cấp thiết bị; thiết bị đã được nhập kho (đối với thiết bị không cần lắp đặt) hoặc đã được lắp đặt xong (đối với thiết bị cần lắp đặt).

Khi có khối lượng thiết bị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán, Chủ đầu tư kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

- + Biên bản nghiệm thu, biên bản bàn giao giữa Chủ đầu tư và nhà cung cấp; Biên bản thanh lý hợp đồng (trường hợp thanh toán lần cuối);
- + Hoá đơn (bản sao y bản chính có chữ ký và dấu của Chủ đầu tư) đối với gói thầu chỉ định thầu;
- + Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- + Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng);
- + Giấy rút vốn đầu tư;

c) Thanh toán khối lượng hoàn thành của chi phí khác:

Khối lượng hoàn thành của chi phí khác đủ điều kiện thanh toán là khối lượng thực hiện được nghiệm thu, có trong hợp đồng (đối với công tác thuê tư vấn xây dựng), có trong dự toán được duyệt, có trong kế hoạch vốn đầu tư năm và theo định mức của Nhà nước (hiện nay, các chi phí tư vấn xây dựng được thanh toán theo định mức quy định tại Quyết định số 10/2005/QĐ-BXD ngày 15/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Quyết định 11/2005/QĐ-BXD ngày 15/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức chi phí lập dự án và thiết kế xây dựng công trình; ✓

định mức chi phí thẩm tra báo cáo quyết toán dự án đầu tư hoàn thành thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Mục IV, Phần II của Thông tư này).

- Đối với chi phí tư vấn xây dựng thực hiện theo hợp đồng tư vấn xây dựng:

Khi có khối lượng công tác tư vấn hoàn thành theo đúng hợp đồng, đủ điều kiện thanh toán, Chủ đầu tư kiểm tra, lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

+ Biên bản nghiệm thu kèm theo bản tính giá trị khối lượng hoàn thành; biên bản thanh lý hợp đồng (nếu thanh toán lần cuối);

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

+ Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng);

+ Giấy rút vốn đầu tư;

- Thanh toán khối lượng hoàn thành của các chi phí khác:

Chi phí thẩm định dự án đầu tư, chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, chi phí thẩm tra dự toán, tổng dự toán công trình, chi phí thẩm tra báo cáo quyết toán dự án đầu tư hoàn thành (do Chủ đầu tư tự thực hiện hoặc các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện); lệ phí cấp đất; chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí quản lý dự án; chi phí Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và các chi phí khác liên quan. Căn cứ dự toán được duyệt và chế độ quy định của Nhà nước, Chủ đầu tư kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

+ Giấy rút vốn đầu tư;

+ Bảng kê nội dung chi tiết các khoản chi (kèm theo các chứng từ liên quan như: thông báo đòi tiền, biên lai nộp tiền, hoá đơn, phiếu thu, phiếu chi... của các cơ quan có thẩm quyền).

Mẫu Biên bản nghiệm thu được quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng xây dựng công trình.

5. Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức người dân trong xã tự làm:

- Đối với gói thầu có thiết kế kỹ thuật đơn giản, khối lượng công việc chủ yếu sử dụng lao động thủ công, mà người dân trong xã có thể tự làm được, thì Chủ đầu tư báo cáo Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư giao cho người dân trong xã tự tổ chức thi công xây dựng và tự chịu trách nhiệm. Chủ đầu tư trực tiếp ký hợp đồng với người dân thông qua Tổ, Đội thi công xây dựng để tạo điều kiện cho người dân tham gia lao động, tăng thêm thu nhập. Hồ sơ tài liệu ban đầu và hồ sơ tài liệu tạm ứng (hoặc thanh toán) của gói thầu áp dụng tương tự như đối với gói thầu chỉ định thầu.

- Gói thầu do người dân trong xã tự làm được tạm ứng tối đa 50% giá trị của hợp đồng và không được vượt kế hoạch vốn đầu tư bố trí trong năm cho gói thầu.

- Trên cơ sở hợp đồng và khối lượng xây dựng hoàn thành được nghiệm thu; Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị tạm ứng (hoặc thanh toán), gửi Kho bạc nhà nước đề nghị tạm ứng (hoặc thanh toán) cho Tô, Đội thi công xây dựng. Trong trường hợp Tô, Đội thi công xây dựng không có tài khoản riêng, Chủ đầu tư đề nghị Kho bạc nhà nước thanh toán bằng tiền mặt để Tô, Đội thi công xây dựng thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng gói thầu; Chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

6. Số vốn thanh toán cho từng nội dung công việc, hạng mục công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu được duyệt; tổng số vốn thanh toán cho dự án đầu tư không được vượt tổng mức đầu tư được duyệt.

Số vốn thanh toán cho dự án đầu tư trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án đầu tư.

7. Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán và thời hạn thanh toán:

a) Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán: trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) hợp lệ của nhà thầu; Chủ đầu tư phải hoàn thành thủ tục đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) và chuyển hồ sơ thanh toán (hoặc tạm ứng) trên tới Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản).

b) Thời hạn thanh toán: căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) do Chủ đầu tư gửi tới (theo Khoản 2 và Khoản 3, Mục III, Phần II của Thông tư này); trong thời gian dưới 07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ tài liệu), Kho bạc nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán (hoặc tạm ứng) vốn cho Chủ đầu tư và theo đề nghị của Chủ đầu tư thanh toán (hoặc tạm ứng) cho các nhà thầu, các đơn vị liên quan; đồng thời thu hồi vốn tạm ứng (nếu có).

IV. QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.

1. Tất cả các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân xã khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

2. Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành gồm có:

- Các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA (cách lập biểu mẫu báo cáo quyết toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số I kèm theo Thông tư này).

- Các văn bản pháp lý có liên quan gồm có: Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt dự toán chi tiết, Quyết định chỉ định thầu hoặc trúng thầu (nếu có) và các văn bản bổ sung (nếu có).

3. Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Khi dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; chậm nhất sau 02 tháng, Chủ đầu tư phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Chậm nhất sau 01 tháng, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Người quyết định đầu tư phải thực hiện xong công tác thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình Người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Trường hợp, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Người quyết định đầu tư không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; Chủ đầu tư báo cáo Người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau:

+ Thuê tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

+ Đề nghị Phòng Tài chính kế hoạch huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

- Nội dung thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (kiểm toán) và nội dung báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (báo cáo kết quả kiểm toán) theo Phụ lục số II đính kèm Thông tư này.

4. Định mức chi phí thẩm tra báo cáo quyết toán và kiểm toán dự án đầu tư hoàn thành:

- Tổ chức, đơn vị thẩm tra, kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, được hưởng chi phí thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, theo định mức chi phí như sau:

+ Định mức chi phí thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: được tính bằng 0,32% giá trị tổng mức đầu tư của dự án đầu tư (tối thiểu là 300.000 đồng).

+ Định mức chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: được tính bằng 0,50% giá trị tổng mức đầu tư của dự án đầu tư, cộng với thuế giá trị gia tăng (tối thiểu là 500.000 đồng).

- Chi phí thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, được tính vào chi phí khác trong tổng giá trị quyết toán vốn đầu tư của dự án.

5. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán (báo cáo kết quả kiểm toán) vốn đầu tư dự án hoàn thành của các tổ chức, đơn vị thẩm tra; Chủ đầu tư kiểm tra, trình Người quyết định đầu tư ra Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành phải được niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và được gửi cho các cơ quan, đơn vị sau:

- Chủ đầu tư;
- Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản);
- Phòng Tài chính kế hoạch huyện;

- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được lập theo chế độ lưu trữ hồ sơ và được lưu trữ 20 năm tính từ khi báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được duyệt.

V. GIÁM SÁT DỰ ÁN ĐẦU TƯ.

Tất cả các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân xã đều phải được giám sát đầu tư trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc giám sát đầu tư giao cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện.

Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

Kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Phần IV Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính.

Trường hợp, những dự án đầu tư nhỏ (có giá trị dưới 100 triệu đồng), có thiết kế kỹ thuật đơn giản mà Chủ đầu tư không đủ năng lực tự giám sát thi công xây dựng công trình và không thuê được tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, thì Chủ đầu tư trình Người quyết định đầu tư giao cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình; trường hợp này, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được hưởng định mức chi phí giám sát thi công công trình xây dựng, tối đa không vượt định mức giám sát thi công công trình xây dựng do Bộ Xây dựng quy định (hiện nay là Quyết định số 10/2005/QĐ-BXD ngày 14/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA

1. Chế độ báo cáo:

- Định kỳ 6 tháng và một năm, Ủy ban nhân dân xã lập báo cáo tình hình thực hiện khối lượng và vốn đầu tư đã thanh toán (theo mẫu số 03/BC-THKH) và báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý (theo biểu mẫu số 03/THQT); gửi Hội đồng nhân dân xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và Phòng Tài chính kế hoạch huyện. Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 10/7, báo cáo năm gửi trước ngày 15/01 năm sau.

Nội dung báo cáo phải phân tích, đánh giá được tình hình thực hiện kế hoạch, kết quả đầu tư trong kỳ, tình hình sử dụng vốn, các vấn đề tồn tại, kiến nghị các biện pháp xử lý.

- Căn cứ vào báo cáo tình hình thực hiện đầu tư của Ủy ban nhân dân xã, Phòng Tài chính kế hoạch huyện chịu trách nhiệm lập báo cáo tổng hợp gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và kiến nghị phương án xử lý các vấn đề tồn tại (theo mẫu số 04/BC-THKH).

2. Kiểm tra: định kỳ hoặc đột xuất, Phòng Tài chính kế hoạch huyện trực tiếp tổ chức kiểm tra hoặc đề nghị Ban giám sát đầu tư của cộng đồng kiểm tra, giám sát, đánh giá các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân xã quản lý về tình hình sử dụng vốn, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư xây dựng của Nhà nước.

VII. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, thực hiện phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chức năng thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý các dự án đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước và quy định tại Thông tư này;

- Chỉ đạo ngành tài chính tổ chức đào tạo nâng cao về năng lực quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cho cán bộ cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Thực hiện quản lý nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc thẩm quyền quản lý phối hợp và giúp đỡ Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của nhà nước và các quy định của Thông tư này.

3. Phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện:

- Hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện chức năng quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng chế độ quy định và hướng dẫn tại Thông tư này.

- Thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã (khi xã có yêu cầu bằng văn bản).

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với những dự án đầu tư được phân cấp, theo đúng quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Phần I Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về

lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ;

- Tổ chức tiếp nhận, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định;

- Thực hiện chế độ báo cáo và quyết toán vốn đầu tư: dự án theo quy định.

5. Chủ đầu tư:

- Tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Mục III và Mục IV, Phần I Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng.

- Chịu trách nhiệm tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Phần III Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng.

- Chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình hoàn thành để trình Người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (theo Mục IV, Phần II của Thông tư này).

- Sau 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của dự án (công trình) tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Pháp luật. Trường hợp Chủ đầu tư có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; tùy theo mức độ và hành vi vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm theo quy định tại Mục I Chương II Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.

- Thực hiện chế độ báo cáo dự án đầu tư theo quy định.

6. Ban giám sát của cộng đồng

- Yêu cầu Chủ đầu tư, các nhà thầu báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin làm rõ những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến.

- Tổng hợp ý kiến của cộng đồng, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, các báo cáo của Chủ đầu tư và các nhà thầu, đề xuất biện pháp giải quyết đối với những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thông báo cho cộng đồng và các cơ quan có liên quan biết về quyết định của cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến.

7. Đối với các nhà thầu:

- Các nhà thầu có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động của mình theo đúng hợp đồng đã ký và các quy định của Pháp luật. Trường hợp nhà thầu có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện; tùy theo mức độ và hành vi vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm theo quy định tại Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004.

của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà và Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18/8/2006 của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Cùng với Chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết. Hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà Chủ đầu tư đã chi trả vượt so với giá trị quyết toán được phê duyệt.

8. Kho bạc nhà nước:

- Tổ chức thực hiện việc kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư đúng chế độ quy định của Nhà nước và quy định tại Thông tư này; xác nhận số vốn đã thanh toán, nhận xét tình hình thanh toán; quyết toán vốn đầu tư hàng năm cho từng dự án đầu tư theo quy định về quyết toán Ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với Chủ đầu tư thu hồi số vốn đã chi trả cho các cá nhân, đơn vị vượt so với giá trị quyết toán được phê duyệt; đôn đốc, hướng dẫn, phối hợp với Chủ đầu tư giải quyết công nợ để hoàn thành việc thanh toán, tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán.

Phần III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 106/2003/TT-BTC ngày 07/11/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc xã, thị trấn ./.

Nơi nhận :

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Kinh tế TW Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THUỘC NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN NĂM ...

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Số TT	Kế hoạch Tên dự án	Báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt hoặc dự toán được duyệt	Kế hoạch vốn đầu tư đã giao		Khối lượng thực hiện đến 31/12 năm trước		Số vốn đã thanh toán			Kế hoạch năm ...			Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó: kế hoạch năm báo cáo	Lũy kế từ khởi công	Luỹ kế từ khởi công trong kế hoạch	Luỹ kế từ khởi công	Tổng số	Trong năm kế hoạch	Tổng số	Vốn đầu tư NS xã	Trong đó		Vốn huy động khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 8 + 9	8	9	10 = 11 + 12 + 13	11	12	13	14
	TỔNG SỐ:														
1	Dự án A														
	Chi phí xây lắp														
	Chi phí thiết bị														
	Chi phí khác														
2	Dự án B														
	Chi phí xây lắp														
	Chi phí thiết bị														
	Chi phí khác														
3	Dự án C														
														

Ngày..... tháng năm 200..

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện.
- Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản)

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Số TT	Tên dự án	Bảo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt hoặc dự toán được duyệt	Lụy kế kế hoạch đầu tư đã giao	Kế hoạch năm của xã (phường, thị trấn)						Tài chính huyện đề xuất (trường hợp Ngân sách cấp huyện hỗ trợ)				Ghi chú
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
A	B	1	2	3=4+5+6	Vốn đầu tư của xã	Vốn ngân cấp trên hỗ	Vốn huy động	7 = 8+9+10	Vốn đầu tư của xã	Vốn ngân cấp trên hỗ trợ	Vốn huy động	10	11	
TỔNG SỐ:														
I	Xã A													
1	Dự án													
2	Dự án													
II	Xã B													
1	Dự án													
2	Dự án													
III	Xã													
1	Dự án													
2	Dự án													

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

.....Ngày..... tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- UBND cấp huyện.....
- Sở Tài chính.
- Sở Kế hoạch và đầu tư

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 6 THÁNG, 12 THÁNG CỦA CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt hoặc dự toán được duyệt	Kế hoạch vốn đầu tư năm.....	Giá trị khối lượng hoàn thành kỳ báo		Số vốn đã thanh toán				Giá trị KLHT nhưng chưa có vốn để thanh toán			Ghi chú	
					Luỹ kế từ khởi công	KLHT trong kỳ báo cáo	Luỹ kế từ khởi công	Trong kỳ báo cáo			Luỹ kế từ khởi công	Trong kỳ báo cáo			
								Tổng số	Vốn đầu tư của xã	Vốn NS cấp trên hỗ trợ		Vốn huy động	Tổng số		KLHT trong kế hoạch
A	B	C	1	2	3	4	5	6 = 7+8+9	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ:														
1	Dự án A														
	Chi phí xây lắp														
	Chi phí thiết bị														
	Chi phí khác														
2	Dự án B														
	Chi phí xây lắp														
	Chi phí thiết bị														
	Chi phí khác														
3	Dự án C														
														

XÁC NHẬN CỦA KBNN

(ghi số liệu thực thanh toán so với biểu mẫu)
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

.....Ngày..... tháng năm

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện.
- Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản)

UBND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ...
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

Mẫu số 04/ BC-TTKH

(Kèm theo Thông tư số 73/ 2007/ TT-BTC
ngày 02 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 6 THÁNG, 12 THÁNG CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM ...

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Bảo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt hoặc dự toán được duyệt	Kế hoạch năm	Khởi lượng hoàn thành đến 31/12 năm trước			Số vốn đã thanh toán						Giá trị KLHT nhưng chưa có vốn để thanh toán			Ghi chú
					Lũy kế từ khởi công	KLHT trong kế hoạch	Lũy kế từ khởi công	Trong kỳ báo cáo		Trong đó		Lũy kế từ khởi công	Trong kỳ báo cáo				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
TỔNG SỐ:																	
I Xã A																	
1	Dự án																
2	Dự án																
II Xã B																	
1	Dự án																
2	Dự án																
...																	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG

.....Ngày..... thángnăm
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- UBND cấp huyện....
- Sở Tài chính.
- Sở Kế hoạch và đầu tư

PHỤ LỤC SỐ I

HƯỚNG DẪN LẬP CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH.

(kèm theo Thông tư số 73 /2007/TT-BTC ngày 02 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính)

1. Biểu mẫu số 01/QTDA:

- Điểm 1. Các văn bản pháp lý liên quan:

Cột (b) tên văn bản: ghi theo trình tự thời gian của các văn bản liên quan đến toàn bộ quá trình, giai đoạn đầu tư của dự án, từ chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế - dự toán....

- Điểm 2. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

+ Cột (b) tên các nguồn vốn: ghi tất cả những nguồn vốn tham gia đầu tư vào dự án (nguồn nào không có thì không ghi);

+ Cột (1) ghi theo số liệu trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc trong quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình;

+ Cột (2) nguồn vốn đã thực hiện thực hiện: ghi theo số liệu của bảng đối chiếu số liệu sử dụng nguồn vốn đầu tư (theo biểu mẫu số 02 /QTDA).

+ Cột (3) chênh lệch tăng, giảm: Số chênh lệch được tính = Cột (1) - Cột (2).

- Điểm 3. Vốn đầu tư đề nghị quyết toán: là tổng cộng toàn bộ các chi phí của dự án đầu tư sau khi Chủ đầu tư đối chiếu, rà soát tất cả các bản quyết toán với từng nhà thầu tham gia thực hiện dự án đầu tư;

Vốn đầu tư đề nghị quyết toán được phân theo cơ cấu: xây lắp, thiết bị, chi phí khác để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Điểm 4: ghi tổng giá trị tài sản cố định được hình thành qua đầu tư;

- Điểm 5: ghi tổng giá trị tài sản lưu động (nếu có) của dự án đầu tư;

Tài sản cố định và Tài sản lưu động được phân loại theo quy định hiện hành.

- Điểm 6: thuyết minh ngắn gọn, ghi các ý kiến nhận xét và những kiến nghị quan trọng.

2. Biểu mẫu số 02/QTDA:

- Điểm 1. Nguồn vốn đầu tư đã thanh toán đến ngày bàn giao: tổng hợp toàn bộ số vốn đã thanh toán cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình thực hiện dự án tính đến ngày bàn giao, khoá sổ để lập báo cáo quyết toán.

+ Cột (1) do Chủ đầu tư ghi (có xác nhận của đại diện Ban giám sát đầu tư của cộng đồng).

+ Cột (2) do Kho bạc nhà nước (nơi Chủ đầu tư mở tài khoản) ghi (yêu cầu ghi đúng số vốn đã thanh toán cho dự án đầu tư trên sổ sách theo dõi).

+ Dòng 5. Nguồn vốn đóng góp của nhân dân:

Mục bằng hiện vật quy ra tiền phải kèm theo bảng tính chi tiết và được tính như sau:

$$\text{Hiện vật quy ra tiền} = \text{Số lượng hiện vật đóng góp} \times \text{Đơn giá (giá trị) hiện vật theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm đóng góp}$$

Mục bằng công lao động quy ra tiền được tính như sau:

$$\text{Công lao động quy ra tiền} = \text{Tổng số công đóng góp} \times \text{Đơn giá 1 công lao động trung bình theo quy định của địa phương}$$

Các giá trị quy ra tiền trên phải được đại diện Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xác nhận.

* Lưu ý : Tất cả các Biểu báo cáo trên đây khi lập phải ghi rõ ngày tháng năm lập báo cáo, có đầy đủ các chữ ký, họ tên, chức vụ và đóng dấu theo đúng quy định./.

PHỤ LỤC SỐ II

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG THẨM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH VÀ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH (kèm theo Thông tư số 73 /2007/TT-BTC ngày 02 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính)

Tổ chức, đơn vị thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình (theo Khoản 3, Mục V của Thông tư này) chịu trách nhiệm lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, theo trình tự và nội dung cụ thể như sau:

1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý:

- Thẩm tra việc chấp hành trình tự thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của Pháp luật về đầu tư và xây dựng từ khâu chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư đưa dự án vào sử dụng;
- Thẩm tra việc chấp hành trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu;
- Thẩm tra tính pháp lý của các hợp đồng do Chủ đầu tư ký với các nhà thầu (tư vấn, xây lắp, cung ứng vật tư thiết bị) để thực hiện dự án.

2. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án:

- Đối chiếu số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán do Chủ đầu tư báo cáo với số xác nhận của cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán liên quan để xác định số vốn đầu tư thực tế thực hiện;
- Đối chiếu với nguồn vốn theo cơ cấu nguồn được xác định trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.
- Thẩm tra sự phù hợp trong việc sử dụng nguồn vốn đầu tư so với cơ cấu xác định trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

3. Thẩm tra chi phí đầu tư :

- Thẩm tra chi phí đầu tư đề nghị quyết toán (chi tiết từng hợp đồng): đối chiếu với dự toán được duyệt (đối với gói thầu chỉ định thầu); đối chiếu với giá trị trúng thầu được duyệt (đối với gói thầu đấu thầu) và các điều kiện nêu trong hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hồ sơ hoàn công và các tài liệu liên quan.
- Thẩm tra giá trị phát sinh (nếu có): xác định rõ nguyên nhân tăng giảm; đối chiếu với văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền, việc áp dụng các chính sách chế độ quy định liên quan để thanh toán chi phí đầu tư phát sinh.

4. Thẩm tra các khoản chi phí khác:

Thẩm tra chi tiết từng khoản mục chi phí khác so với dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định:

- Thẩm tra các khoản chi phí tư vấn thực hiện theo hợp đồng;
- Thẩm tra chi phí do Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện;
- Thẩm tra chi phí quản lý dự án.

5. Thẩm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản:

- Chi phí đầu tư thiệt hại do thiên tai, địch họa và các nguyên nhân bất khả kháng khác không thuộc phạm vi bảo hiểm.

- Chi phí đầu tư cho khối lượng công việc được huỷ bỏ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Thẩm tra việc xác định số lượng, giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: thẩm tra số lượng và giá trị tài sản chi tiết theo nhóm, loại thuộc tài sản cố định và tài sản lưu động; nguyên giá (đơn giá) của từng nhóm (loại) tài sản để bàn giao tài sản đưa vào sản xuất, sử dụng.

7. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng:

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư được quyết toán, tình hình thanh toán cho các nhà thầu của chủ đầu tư để thẩm tra công nợ còn tồn tại của dự án.

- Thẩm tra số lượng, giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: căn cứ thực tế tiếp nhận và sử dụng vật tư thiết bị của dự án để xác định số lượng, giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng, đề xuất phương án xử lý.

8. Nhận xét đánh giá, kiến nghị:

- Nhận xét đánh giá việc chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư, xây dựng và đấu thầu; công tác quản lý chi phí đầu tư, quản lý tài sản đầu tư của Chủ đầu tư; trách nhiệm của từng cấp đối với công tác quản lý vốn đầu tư dự án;

- Kiến nghị về giá trị quyết toán và xử lý các vấn đề có liên quan.

9. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Căn cứ báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án đầu tư hoàn thành (hoặc báo cáo kiểm toán); Chủ đầu tư kiểm tra và trình Người quyết định đầu tư ra Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

- Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị sau:

- Chủ đầu tư;

- Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản);

- Phòng Tài chính cấp huyện;

- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. ←

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

Tên dự án đầu tư:

1. Các văn bản pháp lý liên quan:

SỐ TT	TÊN VĂN BẢN	KÝ HIỆU, NGÀY THÁNG NĂM BAN HÀNH	CHỨC DANH NGƯỜI KÝ	GIÁ TRỊ ĐƯỢC DUYỆT (NẾU CÓ)
a	b	1	2	3
1				
2				
3				
...				

2. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

Đơn vị tính: đồng.

SỐ TT	TÊN CÁC NGUỒN VỐN	NGUỒN VỐN THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT	NGUỒN VỐN ĐÃ THỰC HIỆN	TĂNG (+), GIẢM (-) SO VỚI ĐƯỢC DUYỆT
a	b	1	2	3 = 1 - 2
1	Ngân sách xã			
2	Ngân sách cấp trên hỗ trợ			
3	Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài			
4	Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước			
5	Nguồn đóng góp của nhân dân:			
	Trong đó :			
	- Bằng tiền mặt			
	- Bằng hiện vật quy ra tiền			
	- Bằng công lao động quy ra tiền			
	Tổng cộng 1+2+3+4+5			

3. Vốn đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: đồng.

NỘI DUNG CHI PHÍ	DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
+ Chi phí xây lắp		
+ Chi phí thiết bị		
+ Chi phí khác		
Tổng cộng:		

4. Giá trị tài sản cố định mới tăng:

5. Giá trị tài sản lưu động bàn giao:

6. Thuyết minh, nhận xét, kiến nghị:

..., ngày tháng năm....

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN BAN GIÁM SÁT
ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

Tên dự án đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư đã thanh toán đến ngày bàn giao :

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	TÊN CÁC NGUỒN VỐN	SỐ LIỆU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	SỐ LIỆU CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC	CHÊNH LỆCH
a	b	1	2	3 = 1 - 2
1	Ngân sách xã			
2	Ngân sách cấp trên hỗ trợ			
3	Nguồn tài trợ của các tổ chức cá nhân nước ngoài			
4	Nguồn tài trợ của các tổ chức cá nhân trong nước			
5	Nguồn đóng góp của nhân dân:			
	Trong đó :			
	+ Bằng tiền mặt			
	+ Bằng hiện vật quy ra tiền			
	+ Bằng công lao động quy ra tiền			
	Tổng cộng 1+2+3+4+5			

2. Nhận xét, kiến nghị : Ý kiến nhận xét, kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của cơ quan quản lý, thanh toán vốn đầu tư; nêu những nguyên nhân chênh lệch và kiến nghị xử lý (nếu có):

..., Ngày tháng năm...

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, THỊ TRẤN.....

KÊ TOÁN

ĐẠI DIỆN BAN GIÁM SÁT
ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu và
ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., Ngày tháng năm....

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và
ghi rõ họ tên)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM....

1. Dự án đầu tư đã được phê duyệt quyết toán:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN ĐƯỢC DUYỆT			CHÊNH LỆCH	TỶ LỆ (%)	
			TỔNG SỐ	CHIA THEO NGUỒN				
				NGUỒN ĐẦU TƯ CỦA XÃ	NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			NGUỒN HUY ĐỘNG
a	b	1	2	3	4	5	6 = 1 - 2	7
	Tổng số							
1	Dự án 1							
2	Dự án 2							
...	Dự án							

2. Dự án đầu tư hoàn thành đã lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư, chưa phê duyệt quyết toán:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT	TỔNG GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT	NGUYÊN NHÂN
	Tổng số			
1	Dự án 1			
2	Dự án 2			
...	Dự án			

3. Dự án đầu tư hoàn thành chưa lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH	NGUYÊN NHÂN
	Tổng số			
1	Dự án 1			
2	Dự án 2			
...	Dự án			

4. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị về công tác quyết toán vốn đầu tư:

..., ngày tháng năm....

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Cách lập:

- Điểm 1. Dự án đầu tư đã phê duyệt quyết toán:

+ Cột 3: Ghi tổng số vốn thuộc ngân sách xã đầu tư cho các dự án đầu tư;

+ Cột 4: Ghi tổng số vốn thuộc ngân sách cấp trên hỗ trợ cho dự án đầu tư;

+ Cột 5: Ghi tổng số vốn từ các nguồn khác hai nguồn nói trên để đầu tư như: vốn viện trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước .

- Điểm 2 và Điểm 3: Ghi tổng số dự án chưa lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư và nêu rõ nguyên nhân.